

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: CƠ SỞ NỀN TẢNG, ĐẶC TRƯNG VÀ MỤC TIÊU

ThS. Ngô Thị Mến

Tóm tắt: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu riêng của các thế hệ tương lai” (Brundtland, 1987); đã trở thành xu thế tất yếu, kể cả đối với Việt Nam; giúp giảm nhẹ và khắc phục hậu quả nặng nề về môi trường sống do sử dụng quá mức, lãng phí và phi hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong phát triển kinh tế, về bất bình đẳng, đói nghèo và phân phối bất công về cơ sở sinh tồn giữa nội và ngoại thế hệ. Bài này điểm lại sự cần thiết của phát triển bền vững xem xét trên cả ba lĩnh vực là kinh tế, xã hội và văn hóa, và môi trường sinh thái, các đặc trưng cơ bản và các mục tiêu của phát triển bền vững toàn cầu.

Từ khóa: Phát triển bền vững, đặc trưng của phát triển bền vững, mục tiêu của phát triển bền vững.

Summary: “Sustainable development is development that meets the needs of the present without compromising the ability of future generations to meet their own needs” (Brundtland, 1987); has become an inevitable trend, even for Vietnam; help mitigate and overcome the severe environmental consequences caused by overuse, waste and inefficient use of natural resources in economic development, inequality, poverty and unfair distribution on the basis of survival between internal and external generations. This article reviews the necessity of sustainable development considering all three areas, namely economic, social and cultural, and ecological environment, the basic characteristics and goals of global sustainable development.

Keywords: Sustainable development, characteristics of sustainable development, goals of sustainable development.

Giới thiệu

Từ những năm 1960-1970, người ta đã nhận ra rằng con người sử dụng quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên, gây tổn hại cho môi trường và phân phối bất công cơ sở sinh tồn. Trong suốt mấy thế kỷ qua, kể từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (1784), trọng tâm của phát triển nhấn mạnh vào việc đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường, tăng trưởng và tối đa lợi nhuận. Các nhà khoa

học phát hiện tương đối sớm rằng, thị trường đã thất bại nghiêm trọng vì nó xem nhẹ, không chú ý cả ba khía cạnh của phát triển tương lai về sinh thái, kinh tế, và văn hóa – xã hội, hoặc đánh giá thấp mối quan hệ giữa chúng. Năm 1967, E.J. Mishan đã cảnh báo về chi phí của sự phát triển kinh tế và “thảm họa của sự phát triển” với cáo buộc rằng tăng trưởng của thu nhập thực hoàn toàn tương thích với sự suy giảm phúc lợi, gia tăng các vấn đề về xã hội và

môi trường. Tiếp đó, Barbara Ward (1972) cũng cảnh báo khẩn cấp rằng, “nếu cứ sử dụng tài nguyên với cùng tốc độ như đang diễn ra sẽ dẫn tới hậu quả tàn khốc tới môi trường”¹ tại Hội thảo “Chỉ có một trái đất: Giữ gìn và bảo trì một hành tinh nhỏ (Only one Earth: The Care and Maintenance of a Small Planet)” của Liên Hợp Quốc về Môi trường Con người, diễn ra tại Stockholm, Thụy Điển năm 1972, Hội nghị lớn đầu tiên của Liên Hợp quốc về các vấn đề môi trường quốc tế. Cùng vào thời điểm diễn ra hội thảo, ba nhà khoa học thuộc Viện Công nghệ Michigan (Michigan Institute of Technology (MIT)) là Donella H. Meadows, Dennis L. Meadows & Jøgen Randers (1972) sử dụng một mô hình máy tính phân tích tình hình sản xuất và tiêu dùng tài nguyên toàn cầu, từ đó chỉ ra “Giới hạn của tăng trưởng (Limits to Growth)”². Kết quả phân tích gây sốc thế giới vì việc sử dụng tài nguyên toàn cầu đã vượt quá khả năng chịu đựng của hành tinh, bất công trong phân phối và ô nhiễm môi trường gia tăng gây mất cân

bằng hệ sinh thái. Bởi vậy, để các nguồn tài nguyên cần thiết cho sự sinh tồn không bị cạn kiệt, đảm bảo rằng nhân loại có thể sử dụng chúng một cách lâu dài, hợp lý và hiệu quả trên cơ sở phải thay đổi tư duy nhằm khắc phục các khiếm khuyết thị trường, phát triển kinh tế ổn định và lâu bền, giảm bất bình đẳng xã hội (giữa và trong các thế hệ, giữa các nước giàu và các nước nghèo).

1. Khái niệm về phát triển bền vững

“Phát triển bền vững” (PTBV) là khái niệm được phái đoàn Đức đưa ra trong các cuộc đàm phán quốc tế vào năm 1980 và được Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên (IUCN - International Union for Conservation of Nature and Natural Resources)³ đưa vào sử dụng lần đầu tiên vào năm 1983 (Rogall, 2009). Năm 1987, Báo cáo về “Tương lai chung của chúng ta (Our Common Future)” của Ủy ban Brundtland Commission⁴ đã định nghĩa: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không

¹ Xem thêm “*Only one Earth: The Care and Maintenance of a Small Plane*” (https://www.google.com.vn/books/edition/The_European_Union_and_Sustainable_Devel)

² https://www.goodreads.com/book/show/705418.The_Limits_to_Growth

³ IUCN là một tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, với các hoạt động cụ thể như: thu thập và phân tích số liệu, nghiên cứu, thực hiện dự án, vận động chính sách và giáo dục. Sứ mệnh của IUCN là “tạo ảnh hưởng, khích lệ và hỗ trợ các nhóm xã hội trên toàn thế giới thực hiện bảo tồn thiên nhiên và đảm bảo sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững và công bằng”. IUCN được thành lập năm 1948, hoạt động đến tháng 03 năm 2008 được đổi tên thành Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới - World Conservation Union: WCU) (<https://vi.wikipedia.org/>)

⁴ Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (the World Commission on Environment and Development (WCED)), hay *Brundtland Commission* được thành lập năm 1984; bà Gro Harlem Brundtland từng là thủ tướng Na Uy 3 nhiệm kỳ, Tổng giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới là chủ tịch. (https://en.wikipedia.org/wiki/Gro_Harlem_Brundtland; và <https://www.britannica.com/topic/Brundtland-Report>).

làm tổn hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu riêng của các thế hệ tương lai”⁵. Báo cáo cũng chỉ ra các nguyên nhân của suy thoái môi trường và cho thấy mối liên kết đan xen giữa công bằng xã hội, tăng trưởng kinh tế và các vấn đề về môi trường, cũng như đưa ra các giải pháp chính sách tích hợp cho cả ba lĩnh vực này. Vì tương lai chung toàn cầu, Ủy ban Brundtland kêu gọi tình đoàn kết giữa các quốc gia nhằm chung tay thực thi phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

Khái niệm PTBV của Ủy ban Brundtland sau đó đã trở thành chủ đề cơ bản cho Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Môi trường và Phát triển, hay Hội nghị Thượng đỉnh về Trái đất (UNCED)⁶ diễn ra tại Rio de Janeiro⁷ vào năm 1992. Hội nghị đã thông qua Chương trình Nghị sự toàn cầu cho thế kỷ XXI (Agenda 21) và xác định hình mẫu phát triển chung cho thế giới trong tương lai là “Phát triển bền vững”.

Nghiên cứu của Meadows và cộng sự (1992) với chủ đề “Vượt quá giới hạn (Beyonds the Limits)” góp phần nhấn mạnh sự cần thiết của việc thực thi Chương trình Nghị sự XXI, đó là sự chung sức và phối hợp hành động ăn ý của cả cộng đồng quốc tế nhằm giảm nhu cầu của con người cho phù hợp với khả

năng chịu đựng của hành tinh và xem đó là phương cách hữu hiệu kìm hãm tác động hữu hình không mong muốn của biến đổi khí hậu toàn cầu tới các lĩnh vực về kinh tế, xã hội và văn hóa toàn cầu.

Tuy nhiên, Chương trình Nghị sự XXI về PTBV chưa có tính pháp lý toàn cầu nên chưa thực sự đi vào cuộc sống ở nhiều nước. Do đó, Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về PTBV tổ chức tại Johannesburg, Nam Phi (Rio+10) trong năm 2002 đã tiến hành đánh giá kết quả 10 năm⁸ thực hiện Chương trình Nghị sự XXI, trên cơ sở đó tiến hành bổ sung, hoàn thiện khái niệm về PTBV tại Hội nghị Rio+10 như sau: “PTBV là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống con người trong hiện tại, nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”⁹.

Hội nghị Rio+10 đã tạo ra khung cơ sở cho việc xây dựng chiến lược, kế hoạch quốc gia, cũng như các chính sách và giải pháp phát triển cụ thể tại các nước thành viên nhằm đảm bảo kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế bền vững, công bằng xã hội, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

⁵ Xem thêm Holger Rogall (2011) và tại <https://www.un.org/sustainabledevelopment>

⁶ United Nations Conferences on Environment and Development (UNCED) hay còn gọi là “Earth Summit”

⁷ Có 179 nước tham gia bao gồm cả Việt Nam

⁸ Còn được gọi là Hội nghị Rio+10 với sự tham dự của 196 nước và tổ chức quốc tế, trong đó, Việt Nam là một thành viên

⁹ Xem thêm Agenda 21 tại <https://sustainabledevelopment.un.org/outcomedocuments/agenda21>

2. Đặc trưng của phát triển bền vững

PTBV là phát triển hướng tới một tương lai bao trùm, bền vững và năng động cho con người và cả hành tinh trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế bền vững, xã hội bao trùm và bảo vệ môi trường nhằm xóa nghèo dưới mọi hình thức, nâng cao mức sống cơ bản cho con người, nuôi dưỡng sự phát triển xã hội công bằng và bao trùm, quản lý tích hợp và bền vững các nguồn tài nguyên và hệ sinh thái. Cả ba lĩnh vực hay Trụ cột (Rogall, 2009) của PTBV là: kinh tế, xã hội-văn hóa và môi trường sinh thái, luôn phải nằm trong mối quan hệ kết nối và đan xen, không tách rời nhau; và tất cả đều quan trọng đối với phúc lợi của tất cả các cá nhân và xã hội. Do đó, có thể tóm tắt các đặc trưng cơ bản của PTBV như sau:

2.1. Tính bền vững về kinh tế

Đảm bảo một nền kinh tế tăng trưởng, phát triển nhanh, lành mạnh và an toàn; vừa đáp ứng được những nhu cầu của cuộc sống, nâng cao đời sống người dân, vừa tránh được sự đình trệ hoặc suy thoái kinh tế trong tương lai, đặc biệt quan trọng là không để lại gánh nặng nợ cho các thế hệ mai sau. Do đó, để bền vững về kinh tế cần phải: (i) Giảm dần mức

tiêu phí năng lượng và các tài nguyên khác thông qua công nghệ tiết kiệm và thay đổi lối sống; (ii) Thay đổi nhu cầu tiêu thụ không gây hại đến đa dạng sinh học và môi trường; (iii) Bình đẳng trong tiếp cận các nguồn tài nguyên, mức sống, dịch vụ y tế và giáo dục; (iv) Xóa đói, giảm nghèo tuyệt đối; (v) Vận dụng công nghệ sạch và sinh thái hóa công nghiệp (tái chế, tái sử dụng, giảm thải, tái tạo năng lượng đã sử dụng).

2.2. Tính bền vững về xã hội, văn hóa

Đảm bảo thực thi công bằng xã hội và vì sự phát triển toàn diện của con người thể hiện qua tiêu chí về chỉ số phát triển con người (Human Development Index (HDI))¹⁰. Nghĩa là: đảm bảo về sức khỏe, dinh dưỡng, học vấn, xóa đói nghèo, công bằng xã hội và cơ hội cho mọi thành viên trong xã hội; không phân biệt giới tính, giai tầng và vùng miền; đảm bảo quyền bình đẳng trong hưởng thụ các thành quả phát triển nhằm giảm nguy cơ xung đột xã hội và/hay chiến tranh.

Để đạt được những điều kể trên các quốc gia cần: (i) Ổn định dân số, phát triển nông thôn để giảm sức ép di dân vào đô thị; (ii) Giảm thiểu tác động xấu của môi trường do đô thị hóa; (iii) Nâng

¹⁰ HDI là chỉ số so sánh, đo lường thành tựu trung bình của một quốc gia theo ba tiêu chí sau: 1) Sức khỏe: có một cuộc sống dài lâu và khỏe mạnh, đo bằng tuổi thọ trung bình; 2) Tri thức (EI): Được đo bằng số năm đi học bình quân và số năm đi học kỳ vọng; 3) Thu nhập: Mức sống đo bằng GNI bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương (PPP\$) (<https://hdr.undp.org/data-center/human-development-index#/indicies/HDI>).

Năm đặc trưng của quan điểm phát triển con người là: (1) Con người là trung tâm của sự phát triển; (2) Người dân là mục tiêu của phát triển; (3) Nâng cao vị thế của người dân trong sự hưởng thụ và cống hiến; (4) Chú trọng việc tạo lập sự bình đẳng cho mọi người dân về mọi mặt: tôn giáo, dân tộc, giới tính, quốc tịch, màu da; và (5) Tạo cơ hội lựa chọn tốt nhất cho người dân về: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa (<https://vi.wikipedia.org/wiki>)

cao học vấn, xóa mù chữ; (iv) Bảo vệ đa dạng văn hóa; (v) Thực hiện bình đẳng giới, quan tâm tới nhu cầu và lợi ích giới; (vi) Tăng cường sự tham gia của công chúng vào các quá trình ra quyết định.

2.3. Tính bền vững về môi trường

Đảm bảo khai thác, phân bổ và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; giảm phát thải khí nhà kính; không ngừng bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường sống qua việc giữ gìn sự trong sạch về không khí, nước, đất, không gian địa lý, và cảnh quan nhằm phục hồi khí hậu và tạo dựng mối quan hệ hài hòa thật sự giữa con người, xã hội và thiên nhiên.

Muốn vậy cần: (i) Sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo; (ii) Phát triển không vượt quá ngưỡng chịu tải của hệ sinh thái; (iii) Bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ tầng ôzôn; (iv) Kiểm soát và giảm thiểu phát thải khí nhà kính; (v) Bảo vệ chặt chẽ các hệ sinh thái nhạy cảm; (vi) Giảm thiểu xả thải, khắc phục ô nhiễm (nước, khí, đất, lương thực thực phẩm), cải thiện và khôi phục môi trường ở những khu vực ô nhiễm.

3. Mục tiêu của phát triển bền vững

Chương trình Nghị sự XXI (Rio 1992) đã đặt ra mục tiêu tổng quát của PTBV là: “Đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã

hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường”¹¹. Sau khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, Rogall (2009) cho rằng, khủng hoảng có nguyên nhân từ sự phát triển không bền vững, từ đó đưa ra định nghĩa khá đầy đủ về PTBV hướng tới mục tiêu rõ ràng, bao quát được cả các nội dung mà Ủy ban Brundtland và các nhà khoa học trước đó đã đề cập, đó là: “PTBV là nhằm đảm bảo cung ứng cho tất cả mọi người sống trong hiện tại và các thế hệ tương lai đầy đủ các chuẩn mực tốt về sinh thái, kinh tế và văn hóa-xã hội trong giới hạn chịu đựng của thiên nhiên và như vậy sẽ thực thi được nguyên tắc công bằng giữa nội và ngoại thế hệ”¹².

Thực tế cho thấy, PTBV không chỉ là một khái niệm mở đòi hỏi cần có những sự điều chỉnh cần thiết, mà còn là một quá trình được áp dụng từ từ. Do vậy, mục tiêu của nó cũng được chi tiết hóa dần theo tiến trình đảm bảo sự vững chắc ở tất cả các cấp độ.

3.1. Mục tiêu của phát triển bền vững giai đoạn 1992-2015

Cho tới Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về PTBV năm 2012 (Rio+20), mục tiêu của PTBV được xác định xuất phát từ 3 lĩnh vực của PTBV, đó là tăng trưởng kinh tế bền vững, xã hội bao trùm và bảo vệ môi trường. Cụ thể là:

¹¹ Xem thêm: Chương trình nghị sự 21 toàn cầu về phát triển bền vững (<https://dan-gcong-san.vn/the-gioi/nhung-van-de-toan-cau/chuong-trinh-nghi-su-toan-cau-ve-phat-trien-ben-vung-83051.html>)

¹² Xem thêm: Holger Rogall (2009) “*Kinh tế học bền vững: Lý thuyết kinh tế và thực tế của phát triển bền vững* trang 21, Nguyễn Trung Dũng dịch, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2011.

- Mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, theo đó duy trì tăng trưởng kinh tế lâu dài mà không làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên; tạo dựng một nền kinh tế vững mạnh, có tính cạnh tranh cao trên cơ sở sử dụng nguồn tài nguyên sẵn có một cách phù hợp, đúng chỗ và đúng lúc phù hợp yêu cầu phát triển.

- Mục tiêu về xã hội bao trùm, theo đó đảm bảo để tất cả mọi người bất kể hoàn cảnh cá nhân đều cảm thấy có mình trong đó; ủng hộ các cộng đồng mạnh và năng động qua việc cung cấp nhà ở cần thiết đáp ứng được yêu cầu của các thể hệ hiện tại và tương lai; đảm bảo mọi cá nhân đều có thể tiếp cận được tới các dịch vụ địa phương- các dịch vụ phản ánh nhu cầu cộng đồng, như: phúc lợi về y tế, xã hội và văn hóa; đảm bảo phát triển có chất lượng cao.

- Mục tiêu bảo vệ môi trường, theo đó góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, cải thiện đa dạng sinh học qua việc sử dụng thông minh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tối thiểu hóa lãng phí và ô nhiễm, thích nghi với biến đổi khí hậu và giảm thiểu biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người và vật nuôi, an ninh lương thực và nguồn nước, hòa bình và an ninh thế giới.

3.2 Mục tiêu của phát triển bền

vững giai đoạn 2015-2030

Ngay từ năm 2004, Meadows và cộng sự đã nêu lên rằng, không thể đạt được PTBV khi các mục tiêu hành động không được xác định một cách chi tiết. Điều này đã được chứng minh bởi thực tiễn vận dụng khái niệm PTBV trong suốt hai thập niên, kể từ năm 1992. Nhận thức được điều đó, Hội nghị thượng đỉnh của LHQ về PTBV năm 2012 (Rio+20) đã quyết định tập trung vào việc soạn thảo “Văn kiện chính trị”, bao gồm các biện pháp xúc tiến PTBV có tính thực tiễn cao dựa trên cơ sở các Mục tiêu Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals (MDGs))¹³; đề ra Chương trình nghị sự 2030 áp dụng cho phát triển sau năm 2015 (2016-2030); kêu gọi chuyển dịch nền kinh tế hiện hành thành một nền kinh tế có mức carbon thấp, tức kinh tế xanh ở tất cả các lĩnh vực của phát triển, như đô thị xanh, nông nghiệp xanh, cơ sở hạ tầng xanh, năng lượng xanh, vận tải xanh, tài chính xanh, đầu tư xanh, tiêu dùng xanh... . Việc sử dụng nguồn nước hiện có một cách hiệu quả cũng được cụ thể hóa trong mục tiêu bảo vệ môi trường. Chương trình Nghị sự 2030 được các quốc gia thành viên đánh giá là có độ bao phủ chính sách phổ quát, rộng lớn và toàn diện nhất về PTBV cho tới nay.

¹³ Tháng 9 năm 2000, Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc đã thông qua Tuyên bố Thiên niên kỷ với 8 mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, đó là: (1) Giảm tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói; (2) Bảo đảm phổ cập giáo dục tiểu học; (3) Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế, năng lực cho phụ nữ; (4) Giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ em; (5) Nâng cao sức khỏe bà mẹ; (6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; (7) Bảo đảm bền vững về môi trường; (8) Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển (<https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/millennium-development-goals>).

Kết quả là 17 mục tiêu PTBV nghị thượng đỉnh LHQ thông qua vào năm 2015 tại New York, Mỹ¹⁵ (xem SDGs)¹⁴ đã được xây dựng và được Hội Hình 1).



Hình 1. Các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDGs)

Nguồn: <https://sdgs.un.org/goals>

Bảng 1. Mục tiêu phát triển bền vững chung cho toàn cầu và Việt Nam (2016-2030)

Mục tiêu	Toàn cầu	Việt Nam
Mục tiêu 1. Xóa nghèo	Mục tiêu nhằm xóa nghèo cùng cực trên khắp thế giới và giảm nghèo cho ít nhất cho một nửa tỷ lệ nam nữ và trẻ em.	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi
Mục tiêu 2. Xóa đói	Mục tiêu nhằm tạo ra một thế giới không còn ai bị đói và phòng ngừa bệnh tật và chết chóc do thiếu dinh dưỡng gây ra.	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững
Mục tiêu 3. Sức khỏe tốt và hạnh phúc	Mục tiêu này nhằm đảm bảo sống bền vững nhờ xúc tiến công tác bảo vệ sức khỏe hiệu quả, một lối sống lành mạnh và biện pháp phòng ngừa bệnh tật cho mỗi người.	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

¹⁴ Từ tháng 9 năm 2013 các quốc gia khởi động việc xây dựng bộ 17 SDGs (Xem thêm tại <https://sustainabledevelopment.un.org/rio20>).

¹⁵ Hội nghị đã thông qua Văn kiện “Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”---*Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*” (Xem thêm tại: <https://sdgs.un.org/2030agenda>).

KINH TẾ XANH – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu 4. Giáo dục có chất lượng	nhằm đảm bảo rằng học sinh tiếp cận được với giáo dục phổ thông cơ sở và phổ thông trung học và có thể có đủ tiền trả cho giáo dục đại học và kỹ thuật.	Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người
Mục tiêu 5. Bình đẳng giới	Mục đích là trao quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế và xã hội cho phụ nữ để có thể tạo ra nhiều cơ hội cho phụ nữ.	Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái
Mục tiêu 6. Nước sạch và vệ sinh	Nhằm cung cấp nước sạch tới toàn bộ dân số trên toàn cầu để họ có các điều kiện vệ sinh tốt hơn.	Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người
Mục tiêu 7. Có khả năng chi trả và năng lượng sạch	Điều này giúp nâng cao hiệu quả năng lượng và gia tăng việc sử dụng năng lượng tái tạo đối với di cư do biến đổi khí hậu giảm rủi ro thiên tai.	Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người
Mục tiêu 8. Công việc tử tế và tăng trưởng kinh tế	Theo hoàn cảnh quốc gia duy trì tăng trưởng kinh tế bình quân theo đầu người; ở các nước kém phát triển nhất tăng trưởng GDP hàng năm ít nhất đạt 7%	Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người.
Mục tiêu 9. Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng	Phát triển cơ sở hạ tầng đáng tin cậy, bền vững và linh hoạt để hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội	Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới
Mục tiêu 10. Giảm bất công bằng	Mục tiêu là giảm bất công để mỗi người đều có cơ hội ngang nhau và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững có tính tập thể	Giảm bất bình đẳng trong xã hội
Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững	Đảm bảo mỗi người đều tiếp cận được tới các điều kiện nhà ở và phương tiện vận chuyển trong khả năng chi trả. Mục tiêu nhằm cho phép xây dựng kế hoạch định cư bền vững cho con người trên toàn thế giới	Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng
Mục tiêu 12. Sản xuất và tiêu dùng bền vững	Điều này liên quan tới việc tách rời tăng trưởng kinh tế khỏi suy thoái môi trường, khuyến khích thực hiện lối sống bền vững và tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên	Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững

Mục tiêu 13. Biến đổi khí hậu	Mục tiêu là đấu tranh chống lại biến đổi khí hậu và tác động của nó đến cứu vãn cuộc sống. Mục tiêu đặt ra là cắt giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu đi 43% vào năm 2030 và tiến tới xóa hoàn toàn phát thải vào năm 2050	Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai
Mục tiêu 14. Cuộc sống dưới nước	Mục tiêu là tạo ra sự hiểu biết về đại dương và các nguồn tài nguyên mà đại dương ban tặng. Nó cũng tập trung các phương pháp luận để giữ cho biển sạch sẽ	Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững
Mục tiêu 15. Cuộc sống trên mặt đất	Mục tiêu là nhằm bảo vệ, phục hồi và thúc đẩy việc sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, chống xa mạc hóa và đảo ngược sự thoái hóa đất. Điều quan trọng là chăm sóc hệ sinh thái vì chúng cung cấp nguyên liệu thô và các dịch vụ hệ sinh thái	Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất
Mục tiêu 16. Hòa bình, công lý và các định chế mạnh	Vì mâu thuẫn, các định chế yếu và sự tiếp cận hạn chế đe dọa sự phát triển bền vững. Vì thế, điều quan trọng là xúc tiến hòa bình và tạo thuận lợi cho các xã hội bao trùm	Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp
Mục tiêu 17. Các đối tác thực hiện mục tiêu	Chính phủ, xã hội, các khu vực tư nhân, Liên Hợp Quốc, xã hội dân sự phải hành động như là các đối tác toàn cầu để đạt được từng mục tiêu của PTBV	Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Nguồn: Tổng hợp và dịch từ các nguồn Quốc tế và của Việt Nam

4. Vận dụng khái niệm phát triển bền vững trong thực tiễn

4.1. Vài nét về tình hình phát triển bền vững trên thế giới

Từ năm 1992, các nước thành viên Liên Hợp Quốc đã tiến hành triển khai thực hiện Chương trình Nghị sự XXI về PTBV riêng của mình. Tuy nhiên, theo

đánh giá của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về PTBV năm 2002, kết quả thu được sau 10 năm vận dụng PTBV là chưa đáng kể chủ yếu do chưa có tính ràng buộc pháp lý toàn cầu. Nhân loại vẫn tiếp tục khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên một cách lãng phí, không hiệu quả vì tập trung quá mức vào

mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tài nguyên thiên nhiên vẫn bị sử dụng vượt quá giới hạn về mặt vật lý và sinh học của hành tinh¹⁶ (Meadows và cộng sự, 2004) khiến môi trường bị ô nhiễm và suy thoái nặng nề. Điều này cũng được Rogall (2009) khẳng định, theo đó là con người vẫn quá chú trọng vào yếu tố “kinh tế” (trong hai thập niên trước đó), sử dụng quá mức tài nguyên thiên nhiên khiến nguồn tài nguyên này bị vắt kiệt, nước trở nên khan hiếm, môi trường bị ô nhiễm tràn lan và trầm trọng, khí hậu biến đổi bất lợi, mất cân bằng sinh thái, gia tăng tình trạng bất bình đẳng, đói nghèo. Sử dụng quá nhiều tài nguyên làm gia tăng xả thải các chất độc hại ra môi trường vượt quá “giới hạn chịu đựng của thiên nhiên”, hay “giới hạn khoảng không môi trường”, gây nguy hại cho sức khỏe con người, động vật và cây cối. Cả Meadows và cộng sự (2004) và Rogall (2009) đều đưa ra cảnh báo rằng, nếu thế giới không tiết giảm nhu cầu và khẩn cấp hành động một cách nhanh chóng và hiệu quả thì khả năng hỗ trợ các giống loài và cả phần lớn các sinh quyển còn lại của hành tinh sẽ bị sụp đổ và PTBV trở nên bất khả thi.

Để tránh hậu quả tồi tệ trên, Meadows và cộng sự (2004) khuyến nghị thế giới phải cùng chung sức hành động và trước đó cần phải lên kế hoạch chi tiết, nhất là trong các lĩnh vực, như: dân số, lãng phí và tăng trưởng không hiệu quả, ô nhiễm,

nghĩa là thực thi phát triển bền vững ở cả ba lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái như được minh họa ở Hình 2.



Hình 2. Ba trụ cột của kinh tế học bền vững

Nguồn: Holger Rogall (2009) Kinh tế học bền vững- Lý thuyết kinh tế và thực tế của phát triển bền vững, Nguyễn Trung Dũng dịch, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2011

Mặc dù các quốc gia đã có kế hoạch hành động theo các mục tiêu chung được cụ thể hóa cho phù hợp điều kiện của mình từ năm 2016 với hàng loạt các dự án về phát triển và sử dụng tài nguyên tái tạo, năng lượng xanh và sạch, nông nghiệp hữu cơ, tiêu dùng thông minh, nhưng theo Báo cáo Phát triển bền vững toàn cầu năm 2019 của Liên Hợp Quốc (United Nations Department of Economic and Social Affairs (UN DESA)) thì “mô hình

¹⁶ Xem thêm: “Limits to Growth: The 30 Year-Update” (Nguồn: <https://www.donellameadows.org/wp-content/userfiles/Limits-to-Growth-digital-scan-version.pdf>).

¹⁷ Xem thêm tại <https://reliefweb.int/report/world/global-sustainable-development-report-2019-future-now-science-achieving-sustainable>.

phát triển cho tới nay vẫn là không bền vững và tiến bộ đã đạt được trong hai thập niên qua đang có nguy cơ bị đảo ngược do bất công xã hội gia tăng và không thể đảo ngược được sự suy giảm tiềm năng của môi trường tự nhiên”. Còn rất nhiều vấn đề tồn tại chưa được giải quyết ở cả hai nhóm nước giàu và nghèo. Trong đó, các nước giàu/phát triển cần thay đổi kiểu sản xuất và tiêu dùng thông qua việc hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch và chất dẻo, khuyến khích đầu tư công và đầu tư ở khu vực tư nhân phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Đối với các nước nghèo, kém phát triển vẫn cần tăng trưởng ở mức độ cao hơn để đảm bảo cung ứng các dịch vụ xã hội và cơ sở hạ tầng có chất lượng; cần nhấn mạnh “tăng trưởng trước, dọn dẹp sau không phải là lựa chọn”, mà phải tăng cường tiếp cận với các tri thức và công nghệ phù hợp.

Báo cáo còn nhấn mạnh những vấn đề cần tập trung giải quyết như: (i) Đảm bảo mọi người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ cơ bản có chất lượng, như: cơ sở hạ tầng cho chăm sóc sức khỏe, giáo dục, nước, vệ sinh, nhà ở và bảo hộ xã hội, là tiền đề để xóa nghèo và nâng cao phúc lợi con người; chú ý đặc biệt tới những người khuyết tật và các nhóm người dễ bị tổn thương; (ii) Đảm bảo hệ thống lương thực và năng lượng vì sức khỏe và phúc lợi của con người, lưu ý thực thi an ninh lương thực, chống suy sinh dưỡng và béo

phi; (iii) Đảm bảo sự phối hợp của các chính phủ, cộng đồng và các chuyên gia quốc tế trong việc giải quyết những vấn đề chung về môi trường toàn cầu, như: bảo vệ bầu không khí, rừng nhiệt đới và đại dương, vì đây là các nguồn dịch vụ sinh thái và tài nguyên thiên nhiên quan trọng của nhân loại. Hiện nay, các nước có nguồn phát thải khí nhà kính đứng đầu thế giới như Trung Quốc, Mỹ, EU, Ấn Độ, Nga, Iran chưa có chuyển biến trong việc cắt giảm lượng khí CO₂ ra môi trường. Rác thải, đặc biệt là rác thải nhựa đại dương vẫn gia tăng¹⁸ và đang là vấn đề thách thức môi trường nghiêm trọng trên toàn cầu (OECD, 2021).

4.2. Quá trình nhận thức và triển khai phát triển bền vững ở Việt Nam

Khái niệm về PTBV xuất hiện ở Việt Nam khá muộn, chỉ được đề cập chính thức từ những năm đầu thế kỷ 21, mặc dù trước đó, các văn kiện Đại hội Đảng (ĐHĐ) VI (1986), VII (1991) ít nhiều đã đề cập tới một số nội dung thuộc PTBV. Một số yếu tố của PTBV được nhắc tới nhiều hơn trong Nghị quyết ĐHĐ lần thứ VIII, trong đó có đoạn: “gắn liền tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái”¹⁹. Đó là kết quả nhận thức tầm quan trọng của PTBV sau khi Việt Nam đã tham gia Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Môi trường và Phát triển năm

¹⁸ Xem thêm tại <http://tapchimattran.vn/the-gioi/rac-thai-thach-thuc-moi-truong-nghiem-trong-tren-toan-cau-7077.html> và <https://consosukien.vn/rac-tha-i-nhua-da-i-du-ong-nhu-ng-con-so-da-ng-ba-o-do-ng.htm>

¹⁹ Xem thêm tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>

1992 và nhất trí với Chương trình Nghị sự XXI về một khung mẫu phát triển bền vững chung xác định cho toàn cầu theo tinh thần của Ủy ban Brundtland (1987). Nội dung của PTBV được thể hiện rõ ràng hơn trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX (2001) khi nói về mối liên kết giữa các yếu tố/lĩnh vực của PTBV và cả an ninh quốc phòng, như: “Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh” (Phạm Thị Thanh Bình, 2023).

Từ sau ĐHĐ lần thứ IX, Việt Nam tham gia tích cực vào các Hội nghị về PTBV của LHQ, như: Hội nghị Johannesburg (Rio+10) năm 2002 bàn về vấn đề nước, năng lượng, sức khỏe, nông nghiệp và đa dạng sinh thái; Hội nghị Rio+20 năm 2012 về “Một nền Kinh tế Xanh trong bối cảnh PTBV và xóa đói giảm nghèo và khuôn khổ thể chế cho phát triển bền vững”; Hội nghị về “Chuyển đổi thể giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững” tại New York năm 2015; và Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu²⁰ (COP26) bàn về biến đổi khí hậu năm 2021 và xây dựng các giải pháp thích nghi và đối phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn tiếp theo.

Trên tinh thần đó, Việt Nam đã tiếp nhận và tiến hành quốc gia hóa các mục tiêu và giải pháp cho phù hợp điều kiện cụ thể của đất nước. Đáng chú ý là trong văn kiện ĐHĐ XII (2016) có đoạn: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở bền vững kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu...”²¹.

Tiếp đến, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII năm 2021 là văn kiện thể hiện đầy đủ nhất và rõ ràng nhất về PTBV trên tinh thần Chương trình Nghị sự 2030 của Việt Nam là: “Phát triển nhanh và bền vững đất nước, ..., bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo

²⁰ COP26 (Conference of the Parties) là viết tắt United Nations Climate Change Conference of the Parties lần thứ 26 tại Glasgow, Scotland, năm 2021 (<https://www.un.org/en/climatechange>)

²¹ Xem thêm tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>

đảm bảo chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”²².

Trên tinh thần các Nghị quyết ĐHĐ IX, X, XI, XII và XIII, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Nghị định, Quyết định,²³ ..., chỉ đạo, điều hành quá trình phát triển, như: Quyết định Số 153/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/08/2004 về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam); Quyết định số 2139/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/12/2011 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường; Quyết định số 432/QĐ-TTg²⁴ của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 04 năm 2012 về Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020; Quyết định số 1474/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05 tháng 10 năm 2012 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020 nhằm hiện thực hóa các nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với 17 mục tiêu PTBV được chi tiết hóa thành 115 mục tiêu cụ thể; Quyết định

số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/06/2019 về Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2030; Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững ban hành ngày 25/09/2020; Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.3. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

Thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Đảng và Chính phủ, với nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu của PTBV theo tinh thần Chương trình Nghị sự 21, MDGs và SDGs và các chiến lược quốc gia về tăng trưởng bền vững, phát triển xanh và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu ban đầu được Liên Hợp Quốc ghi nhận trong một số lĩnh vực đã cam kết. Theo đánh giá của Liên Hợp Quốc khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (UNESCAP) về PTBV, năm 2021 Việt Nam được xếp ở vị trí số 51 trên 165 quốc gia và rất có khả năng hoàn thành 5/17 mục tiêu vào năm 2030 là: Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi; Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe

²² Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>

²³ Nguồn: <https://vanban.chinhphu.vn/>; <https://thuvienphapluat.vn/>

²⁴ Xem tại <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=157753>

manh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi; Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai; và Mục tiêu 17: Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững (Vũ Phong Energy Group, 2022).

Tuy nhiên, đến năm 2022, Việt Nam rớt hạng xuống vị trí thứ 55 theo xếp hạng của Liên Hợp Quốc về PTBV. Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều thách thức và khó hoàn thành các mục tiêu, như Mục tiêu 9 về công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng, **Mục tiêu số 14** về cuộc sống dưới nước và Mục tiêu số 15 về cuộc sống trên mặt đất (Phạm Thị Thanh Bình, 2023). Điều này đòi hỏi Việt Nam phải nỗ lực phấn đấu nhiều hơn trong việc sử dụng các nguồn lực hiện có và tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế để có thể tiến tới đạt được các mục tiêu đã cam kết PTBV vào năm 2030.

Kết luận

Nhân loại đang phải đối mặt với những hậu quả do chính mình tạo ra do sử dụng quá mức, lãng phí và không hiệu quả các nguồn tài nguyên không tái tạo vì quá chú ý tới mục tiêu lợi nhuận và tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá. Hậu quả là suy thoái kinh tế, nghèo đói, bất công, bất bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn

lực và thành tựu kinh tế, văn hóa và dịch vụ xã hội, gia tăng tình trạng di dân, bạo lực, hủy hoại môi trường và biến đổi khí hậu kéo dài dai dẳng. Để khắc phục tình trạng trên, thế giới chỉ có một lựa chọn duy nhất, đó là hành động cấp bách, nhanh chóng và hiệu quả đến từng chi tiết của phát triển bền vững theo tinh thần của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển và Liên Hợp quốc. Điều đó có nghĩa là thực hiện các “quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống con người trong hiện tại, nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”, hướng tới xóa nghèo và đói triệt để, bình đẳng giới, thực thi quyền con người cho tất cả các cá nhân “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Đó là nội dung và mục tiêu tổng của PTBV. Nó đòi hỏi sự chung tay góp sức của tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt sự tham gia tích cực và hỗ trợ về mọi mặt của các nước giàu, các nước phát triển trong xử lý nguyên nhân của mọi vấn đề về ô nhiễm và bất công trong việc tiếp cận và hưởng thụ giá trị tài nguyên thiên nhiên đem lại. Điều đó không có nghĩa là các nước nghèo như Việt Nam có ít lỗi trong việc hủy hoại môi trường sinh thái, hiện Việt Nam xếp thứ 4 trong 20 nước xấu. Vì vậy, Việt Nam cần và đang nỗ lực thực thi PTBV với những thành tựu ban đầu đáng ghi nhận./.

²⁵ Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), năm 2018, Việt Nam là một trong những quốc gia có lượng rác thải nhựa xả ra biển nhiều nhất trên thế giới, với khối lượng rác thải nhựa ra biển dao động trong khoảng 0,28-0,73 triệu tấn/ năm, tương đương 6% tổng lượng rác thải nhựa ra biển và đứng thứ 4 trên 20 quốc gia cao nhất (Nguồn: <https://consosukien.vn/rac-tha-i-nhua-da-i-duong-nhu-ng-con-so-da-ng-ba-o-do-ng.htm>)

Tài liệu tham khảo

1. Gia Linh (2022), *Rác thải nhựa đại dương những con số đáng báo động* (<https://consosukien.vn/rac-tha-i-nhua-da-i-duong-nhu-ng-con-so-da-ng-ba-o-dong.htm>)
2. Khillar, Sagar & Hasa (2021), *What is the Difference Between Sustainable Development and Green Development* (<https://pediaa.com/what-is-the-difference-between-sustainable-development-and-green-development>)
3. Lương Minh Trường (2023), *Phát triển bền vững là gì? Tại sao phải phát triển bền vững?* (<https://luatminhkhue.vn/phat-trien-ben-vung-la-gi.aspx>)
4. Meadows, Donella H.; Meadows, Dennis L.; Randers, Jørgen (1972), *Limits to Growth*, (<https://www.donellameadows.org/wp-content/userfiles/Limits-to-Growth-digital-scan-version.pdf>)
5. Meadows, Donella H.; Meadows, Dennis L.; Randers, Jørgen (1992), *Beyonds the Limits* (<https://en.wikipedia.org/wiki>)
6. Meadows, Donella H.; Meadows, Dennis L.; Randers, Jørgen (2004), *Limits to Growth: The 30 Year-Update* (<https://donellameadows.org/archives/a-synopsis-limits-to-growth-the-30-year-update/>)
6. Ngọc Hân (2021), *IFC hỗ trợ 100 triệu USD đóng góp cho tăng trưởng xanh và bền vững tại Việt Nam* (<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ifc-ho-tro-100-trieu-usd-dong-gop-cho-tang-truong-xanh-va-ben-vung-tai-viet-nam-82255.htm>)
7. Rogall, Holger (2009), *The economics of sustainable development, Economic Theory and Practice of Sustainable Development (Kinh tế học bền vững- Lý thuyết kinh tế và thực tế của Phát triển bền vững)*, Nguyễn Trung Dũng dịch, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2011)
8. Phạm Thị Thanh Bình (2023), *Phát triển bền vững: Nhận thức, kết quả và vấn đề đặt ra* (<https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/phat-trien-ben-vung-nhan-thuc-ket-qua-va-van-de-dat-ra.html>)
9. Shiksha (2022), *Importance of Sustainable Development and Its Objectives* (<https://www.shiksha.com/online-courses/articles/importance-of-sustainable-development-and-its-objectives/#what>)
10. Tiến Long (2022), *Hội nghị COP26 về biến đổi khí hậu toàn cầu: Bước tiến lịch sử* (<https://consosukien.vn/hoi-nghi-cop26-ve-bien-doi-khi-hau-toan-cau-buoc-tien-lich-su.htm>)
11. Trương Quang Học (2013), *Việt Nam: Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu (Phần 1): Bức tranh toàn cầu từ RIO-92 đến RIO + 20* (<http://www.vacne.org.vn/viet-nam-phat-trien-ben-vung-trong-boi-canhh-bien-doi-toan-cau-phan-1-buc-tranh-toan-cau-tu-rio-92-den-rio-20/210447.html>)
12. Vũ Phương Energy (2022), *Phát triển bền vững là gì? Các nguyên tắc và tiêu chí đánh giá* (<https://vuphong.vn/phat-trien-ben-vung/>)

13. Nghị Quyết Đại hội Đảng lần thứ VI đến lần thứ XIII (<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>)
14. Quyết định của Thủ tướng chính phủ về Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, Phát triển bền vững, năng lượng xanh, kinh tế xanh, nông nghiệp xanh
15. *Sustainable economy* (<https://econation.one/sustainable-economy/>)
16. UN DESA (2019), *Global Sustainable Development Report 2019 - The Future is Now: Science for Achieving Sustainable Development* (<https://reliefweb.int/report/world/global-sustainable-development-report-2019-future-now-science-achieving-sustainable>)
17. Bộ Công thương (2020), *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển* (<https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huo.html>)
18. Tạp chí Ngân hàng (2022), *Phát triển kinh tế xanh- Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam* (<https://tapchinganhang.gov.vn/phat-trien-kinh-te-xanh-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-doi-voi-viet-nam.htm>)
19. <https://www.un.org/>; <https://sdgs.un.org/goals>
20. <https://www.un.org/sustainabledevelopment/development-agenda/>
21. https://international-partnerships.ec.europa.eu/policies/sustainable-development-goals_en
22. <https://www.shiksha.com/online-courses/articles/importance-of-sustainable-development-and-its-objectives/#what>
23. <https://vuphong.vn/17-muc-tieu-phat-trien-ben-vung/>
24. <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/phat-trien-ben-vung-nhan-thuc-ket-qua-va-van-de-dat-ra.html>